

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết các nội dung, gồm:

1. Lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Khoáng sản năm 2010 (trừ khoáng sản ở dạng khí);

2. Quy trình, phương pháp xác định và các biểu mẫu biểu thống kê để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế quy định tại các Điều 41, Điều 42 và Điều 43 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản (dưới đây gọi tắt là Nghị định số 158/2016/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản theo quy định; cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khu vực khoáng sản ngập nước là khu vực có khoáng sản nằm trong khu vực được phép khai thác khoáng sản mà không thể tháo khô hoặc không sử dụng biện pháp tháo khô trong quá trình khai thác xác định trong nội dung dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ.
2. Điểm mốc chính là điểm mốc trắc địa được lập trong quá trình thăm dò, xây dựng cơ bản mỏ và có tính ổn định trong suốt thời gian khai thác.
3. Điểm mốc phụ là điểm mốc trắc địa lập bổ sung nằm xen kẽ giữa các điểm mốc chính, không lưu giữ lâu dài để đo đạc, thể hiện các yếu tố địa hình chi tiết thân khoáng sản phục vụ việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng.
4. Thống kê trữ lượng khoáng sản là việc xác định trữ lượng khoáng sản đã khai thác thực tế hàng năm và tổng trữ lượng khoáng sản đã khai thác từ khi được phép khai thác đến thời điểm thống kê.
5. Kiểm kê trữ lượng khoáng sản là việc xác định trữ lượng khoáng sản được phép khai thác còn lại tại thời điểm kiểm kê.

Điều 4. Trách nhiệm trong việc lập chứng từ, sổ sách, tài liệu, thông tin, số liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế

Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có trách nhiệm lập chứng từ, sổ sách, tài liệu, thông tin, số liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế từ khi bắt đầu khai thác mỏ cho tới khi kết thúc, đóng cửa mỏ, gồm:

1. Lập, cập nhật, quản lý sổ sách, tài liệu về kỹ thuật, chứng từ, tài liệu về tài chính quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 41 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP và các biểu mẫu thống kê ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP. Đối với trạm cân, phải lắp đặt phù hợp với điều kiện địa hình, điều kiện khai thác của mỏ, đảm bảo kiểm soát được toàn bộ khoáng sản nguyên khai đưa ra khỏi khu vực được phép khai thác. Chung loại, kích thước của cân đặt tại trạm cân được lựa chọn phù hợp với quy mô, công suất, hạ tầng kỹ thuật của mỏ; loại hình mỏ, loại khoáng sản khai thác và loại phương tiện vận chuyển khoáng sản.
3. Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP, hàng năm phải tổng hợp số liệu sản lượng khoáng sản khai thác thực tế, bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm và khối lượng đất đá thải (nếu có) để đưa vào báo cáo định kỳ khai thác khoáng sản.
4. Thực hiện quy định tại Điều 43 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu ghi trong sổ sách, tài liệu kỹ thuật, hóa đơn, chứng từ tài chính, mẫu biểu thống kê và các tài liệu khác có liên quan để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế.

5. Việc xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Yêu cầu chung khi lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng

1. Việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Bản đồ hiện trạng được lập trên nền bản đồ địa hình hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực, múi chiếu phù hợp với bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản; phải bảo đảm thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định về đo vẽ bản đồ, thông tin liên quan đến các thân khoáng sản đang khai thác thuộc khu vực được phép khai thác tại thời điểm thành lập. Bản đồ có tỷ lệ là 1:1.000 hoặc 1:2.000 hoặc 1:5.000;

b) Bản vẽ mặt cắt hiện trạng được lập có cùng tỷ lệ hoặc lớn hơn tỷ lệ của bản đồ hiện trạng và phải thể hiện được các thông tin về hình thái, thể nằm và cấu trúc địa chất của các thân khoáng sản đang khai thác tại thời điểm thành lập;

c) Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng phải thể hiện bằng hình thức văn bản giấy và lưu trữ dưới dạng số hóa; phải phản ánh trung thực các thông tin, số liệu thực tế tại thời điểm thành lập. Ký hiệu, hình thức, nội dung của các yếu tố trên bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng phải thể hiện thống nhất với bản vẽ, mặt cắt trong báo cáo thăm dò khoáng sản, dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ đã được phê duyệt theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trực tiếp lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ. Trường hợp thuê lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng thì đơn vị hợp đồng đo đạc phải có chức năng, điều kiện đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác các nội dung thể hiện trên bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng.

Điều 6. Thời điểm lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ; trong quá trình khai thác cho đến khi kết thúc khai thác (đóng cửa mỏ). Thông tin, số liệu để lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản hàng năm được cập nhật đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm và thực hiện theo quy định như sau:

a) Tối thiểu 1 năm một lần đối với khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên; khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường với công suất được phép khai thác nhỏ hơn 50.000 m³ khoáng sản nguyên khai/năm;

b) Tối thiểu 6 tháng một lần đối với các loại khoáng sản còn lại.

2. Trên cơ sở cập nhật thông tin, số liệu của bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản tiến hành thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác; đánh giá trữ lượng, chất lượng khoáng sản khai thác thực tế so với kết quả thăm dò đã được phê duyệt.

3. Thời điểm thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản là kỳ cuối cùng trong năm báo cáo. Số liệu thống kê, kiểm kê tính đến hết ngày 31 tháng 12 của năm, phù hợp với kỳ lập báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản. Báo cáo thống kê, kiểm kê theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Lưu trữ bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng; thông tin, tài liệu liên quan và sổ sách, chứng từ, thông tin, số liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải lưu trữ, bảo quản bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng; báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và các thông tin, tài liệu khác theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật liên quan; sổ sách, chứng từ, thông tin, số liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế dưới được lưu trữ bằng hình thức văn bản giấy và tài liệu lưu trữ điện tử, số hóa.

2. Hồ sơ, tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này phải được lưu giữ, bảo quản tại văn phòng nơi có hoạt động khai thác khoáng sản, đồng thời lưu trữ bản sao tại trụ sở làm việc của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

3. Các tài liệu lưu trữ ở dạng văn bản giấy bao gồm:

a) Bản đồ hiện trạng;

b) Bản vẽ mặt cắt hiện trạng;

c) Tài liệu về thông tin thay đổi chất lượng, trữ lượng khoáng sản, hình thái thân khoáng sản trong kỳ lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng;

d) Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại;

đ) Sổ sách, chứng từ, tài liệu có liên quan để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế;

e) Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản.

4. Toàn bộ thông tin, tài liệu nêu tại khoản 3 Điều này phải được lưu trong ổ cứng máy tính hoặc các vật mang tin khác (đĩa CD, USB, ổ cứng ngoài).

Chương II

LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG, BẢN VẼ MẶT CẮT HIỆN TRẠNG; THỐNG KÊ, KIỂM KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐÃ KHAI THÁC VÀ QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP, BIỂU MẪU XÁC ĐỊNH SẢN LƯỢNG KHOÁNG SẢN KHAI THÁC THỰC TẾ

Mục 1

LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG, BẢN VẼ MẶT CẮT HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC; THỐNG KÊ, KIỂM KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐÃ KHAI THÁC

Điều 8. Nội dung thể hiện trên bản đồ hiện trạng khu vực khoáng sản khai thác bằng phương pháp lộ thiên

1. Các thông tin về trắc địa: đường bình độ, các điểm mốc trắc địa (mốc chính, điểm mốc phụ, điểm khống chế), ranh giới cấp phép khai thác, ranh giới khu vực khai thác trong kỳ cập nhật (nếu có), địa vật, hệ thống thủy văn, đường giao thông (hào mở vĩa, đường vận chuyển nội bộ mỏ,...).

2. Các thông tin về địa chất: các phân vị địa tầng, các đứt gãy, nếp uốn, thể nằm của đá.

3. Các thông tin về khoáng sản: ranh giới thân/vĩa khoáng sản và thể nằm; các khối trữ lượng, các công trình thăm dò và số hiệu; thông tin về khoáng sản theo giai đoạn thăm dò trước khai thác, thăm dò nâng cấp, quá trình khai thác; khoáng sản đi kèm (cập nhật tương tự như khoáng sản chính); vị trí lấy mẫu bổ sung (nếu có).

4. Các thông tin về khu vực khai thác: các hạng mục công trình xây dựng cơ bản mỏ, ranh giới moong khai thác, đường chân tầng, đường mép tầng đang khai thác/hoặc tầng kết thúc khai thác, công trình phụ trợ, bãi chứa khoáng sản, bãi đổ đất đá thải, hệ thống đường vận tải trong và ngoài mỏ tại thời điểm lập bản đồ hiện trạng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

5. Nội dung thể hiện trên bản đồ hiện trạng khu vực khoáng sản khai thác bằng phương pháp lộ thiên áp dụng cho cả khu vực khai thác tận thu khoáng sản và phải thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Điều 9. Nội dung thể hiện trên bản đồ hiện trạng khu vực khoáng sản khai thác bằng phương pháp hầm lò

1. Các thông tin về trắc địa: đường bình độ, các điểm mốc trắc địa (mốc chính, điểm mốc phụ), điểm độ cao, ranh giới cấp phép khai thác, ranh giới khu vực khai thác trong kỳ cập nhật (nếu có), địa hình, địa vật, hệ thống thủy văn.

2. Các thông tin về địa chất: các phân vị địa tầng, các đứt gãy, nếp uốn, thể nằm của đá.

3. Các thông tin về khoáng sản: ranh giới thân/vĩa khoáng và thể nằm; các